

Số: *168* /BC-CKMK

Quảng ninh, ngày *18* tháng 4 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**Về việc chi trả thù lao, tiền lương**  
**của HĐQT, BKS, Người quản lý Công ty năm 2021 và dự kiến năm 2022**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty CP Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2021;

Căn cứ kết quả SXKD và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT, thành viên BKS và viên chức quản lý Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo việc thực hiện chi trả tiền lương và thù lao cho HĐQT, BKS và các viên chức quản lý như sau:

**1. Chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, Ban Giám đốc, kế toán trưởng Công ty năm 2021:**

*DVT: Triệu đồng*

STT	Chức danh	Số người	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
				Lương	Thù lao	
1	Hội đồng Quản trị	5	271,9		271,9	Kiểm nhiệm
2	Thành viên BKS	2	96,0		96	Kiểm nhiệm
3	Trưởng BKS	1	302,9	302,9		Chuyên trách
4	Người quản lý (01 GD, 02 PGD)	3	640,1	640,1		GD, PGD kiêm thành viên HĐQT
<b>Tổng số</b>			<b>1.310,9</b>	<b>943</b>	<b>367,9</b>	

**2. Kế hoạch thù lao HĐQT, BKS và tiền lương người quản lý năm 2022:**

Căn cứ Điều 6, Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện nghị định số 53/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1387/QĐ- TKV ngày 29/7/2019 của Tổng Giám đốc Tập đoàn TKV về hướng dẫn cơ chế trả lương áp dụng trong TKV. Theo đó mức tiền thù lao cho thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm sẽ được quyết toán và hưởng tối đa bằng 20% mức tiền lương bình quân kế hoạch của chức danh quản lý chuyên trách.

Căn cứ kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2022 giữa Tập đoàn với Công ty tại Công văn số 6050/TKV-KH ngày 27/12/2021 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty đề xuất mức tiền lương kế hoạch và quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022 của các chức danh Người quản lý Công ty và thù lao cho HĐQT, BKS năm 2022 của Công ty như sau:

(i) Thù lao của các thành viên HĐQT và BKS kiêm nhiệm

TT	Chức danh	Mức lương (đ) /01 tháng x 20%	Mức thù lao (đ/người/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT (01 người)	25.700.000 x 20%	5.140.000
2	Thành viên HĐQT (04 người)	21.900.000 x 20%	4.380.000
3	Thành viên BKS (02 người)	20.000.000 x 20%	4.000.000

(ii) Mức Tiền lương của Người quản lý Công ty

STT	Chức danh	Số người	Kế hoạch (Tr.đồng/năm)	Ghi chú
1	Giám đốc	1	356	
2	Phó Giám đốc; Trưởng ban kiểm soát	2	645	
3	Kế toán trưởng	0	-	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3</b>	<b>1001</b>	

(iii) Tổng mức tiền lương và thù lao Công ty trả cho các thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm chức vụ và lương của Người quản lý Công ty:

TT	Chức danh quản lý	Số người	Tiền thù lao (Tr.đ /năm)	Tiền lương (Tr.đ/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	01	61,680	-
2	Thành viên HĐQT	04	210,240	-
3	Trưởng BKS chuyên trách	01	-	330
4	Thành viên BKS kiêm nhiệm	02	96,000	-
5	Giám đốc	01	-	356
6	Phó giám đốc	02	-	315
7	Kế toán trưởng	0	-	-
	<b>Tổng cộng</b>		<b>367,920</b>	<b>1001</b>

#### Phương thức chi trả thù lao và tiền lương

Hàng tháng, tạm chi 80 % mức tiền thù lao tháng theo kế hoạch, số còn lại được quyết toán trên cơ sở kết quả hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh

và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên HĐQT, BKS và cán bộ quản lý Công ty.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

**Nơi nhận:**

- HĐQT, BKS;
- Cổ đông của Công ty;
- Người UQCBTT;
- Website Công ty;
- Lưu: VT; Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TV HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hải Long**